

**URBAN CULTURAL CHARACTERISTICS  
REFLECTED IN THE FOLK  
LITERATURE OF HO CHI MINH CITY**

La Mai Thi Gia

*University of Social Sciences and Humanities,  
Vietnam National University Ho Chi Minh  
City, Ho Chi Minh, Vietnam*

\*Coresponding author: La Mai Thi Gia,  
e-mail: thigialm@hcmussh.edu.vn

Received December 12, 2025.

Revised February 11, 2026.

Accepted February 25, 2026.

**ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA ĐÔ THỊ  
QUA VĂN HỌC DÂN GIAN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

La Mai Thi Gia

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân  
văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,  
Hồ Chí Minh, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: La Mai Thi Gia,  
e-mail: thigialm@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 12/12/2025.

Ngày sửa bài: 11/2/2026.

Ngày nhận đăng: 25/2/2026.

**Abstract.** Folk literature in Ho Chi Minh City (HCMC) constitutes a distinctive component of Southern Vietnamese folklore, shaped within a multi-ethnic and dynamic urban environment marked by cultural hybridity. Despite its significance, this body of oral tradition remains understudied. Through processes of urbanization and migration, HCMC folk literature has not diminished but has been continuously recreated and adapted to modern life, while its modes of transmission have expanded from oral circulation to print and digital media. This article identifies representative genres and highlights the defining features of HCMC folk literature, particularly its adaptability and creative vitality in an urban context. The study employs two main approaches: the documentary-historical-textual method and the analytical-typological method, enabling an examination of the dynamics of folk forms while synthesizing their aesthetic traits and cultural identities as manifested in contemporary urban folklore.

**Keywords:** Urban culture, folk literature, Ho Chi Minh city.

**Tóm tắt.** Văn học dân gian (VHDG) Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) là bộ phận đặc thù trong kho tàng VHDG Nam Bộ, hình thành trong không gian đô thị đa tộc người, năng động và giàu tính giao thoa văn hóa. Tuy giữ vai trò quan trọng, bộ phận này vẫn chưa được nghiên cứu tương xứng. Trải qua quá trình đô thị hóa và di dân, VHDG TP.HCM không mai một mà liên tục được tái tạo và thích ứng với đời sống hiện đại; môi trường lưu giữ - sáng tạo mở rộng từ truyền miệng sang xuất bản và lan truyền trên mạng xã hội. Bài viết hướng đến nhận diện các thể loại tiêu biểu và làm rõ đặc trưng nổi bật của VHDG TP.HCM ở khả năng thích ứng và sáng tạo trong bối cảnh đô thị. Nghiên cứu kết hợp phương pháp tư liệu - lịch sử - văn bản với phương pháp phân tích loại hình, qua đó phát hiện quy luật vận động của các hình thức VHDG đồng thời khái quát những giá trị thẩm mỹ và bản sắc văn hóa kết tinh trong đời sống dân gian đô thị hiện nay.

**Từ khóa:** Văn hóa đô thị, văn học dân gian, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1. Mở đầu

Văn hóa đô thị được hiểu là tổng thể các thực hành văn hóa hình thành trong môi trường đô thị – nơi cấu trúc dân cư đa dạng, mật độ cư trú cao và các quan hệ xã hội mang tính mở. Louis Wirth (1938), trong bài viết kinh điển “Urbanism as a Way of Life”, xem đời sống đô thị gắn với

tính vô danh, sự phân hóa dị biệt và các quan hệ xã hội lỏng lẻo, dễ tan rã hơn so với cộng đồng nông thôn truyền thống [1]. Tuy vậy, các nghiên cứu sau đó mở rộng cách tiếp cận này theo hướng công nhận sự đa dạng nội tại của văn hóa đô thị. Herbert Joseph Gans (1968) với “lí thuyết thành phần” (*Compositional theory*), khẳng định lối sống đô thị không đồng nhất mà chịu ảnh hưởng bởi nghề nghiệp, giai tầng, thành phần dân tộc và bối cảnh cư trú; do đó đô thị tồn tại nhiều tiểu văn hóa vận hành song song [2]. Đối với một thành phố trẻ, đa dân tộc và đa vùng miền như TP.HCM, cách tiếp cận của Gans đặc biệt phù hợp để lí giải cấu trúc văn hóa và bản sắc đô thị. Bổ sung góc nhìn này, Anton Constantijn Zijderveld (1998), trong *A Theory of Urbanity*, phân tích văn hóa đô thị dưới phương diện văn hóa công dân và kinh tế đô thị, xem văn hóa đô thị là nguồn sinh lực của thành phố, đồng thời nhấn mạnh thách thức của xu hướng ngoại ô hóa và không gian mạng đối với việc duy trì bản sắc đô thị đương đại [3].

Tại Việt Nam, nghiên cứu về văn hóa đô thị được quan tâm từ đầu thập niên 2000. Trần Ngọc Khánh (2012) trong *Văn hóa đô thị (Giản yếu)* xem đô thị vừa là môi trường sống vừa là sản phẩm văn hóa được tạo lập và biến đổi theo quy luật tiến hóa xã hội [4]. Các công trình của Trương Minh Dục & Lê Văn Định (2013) và Trần Ngọc Hiền & Trần Văn Chử (2016) tiếp tục phân tích sự hình thành, biến đổi của lối sống và văn hóa đô thị Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa và hiện đại hóa cũng như sự tái hiện của các chất liệu văn hóa truyền thống vào các phương tiện số trong công nghiệp văn hóa [5], [6]. Gắn với văn hóa đô thị là *văn học dân gian đô thị*, tức những hình thức folklore tồn tại, lưu truyền và thích ứng trong bối cảnh đô thị hiện đại. Công trình *Văn hóa dân gian và sự phát triển văn hóa đô thị* (2002) có thể xem là tuyển tập nghiên cứu đầu tiên tập trung làm rõ đời sống dân gian trong đô thị như các làng nghề, phố nghề trong nội đô và ven đô; âm thực đô thành; phương ngữ đô thị (tiếng lóng, biệt ngữ, từ vay mượn gốc Pháp, Khmer...). Các bài viết này đều khẳng định rằng đô thị Việt Nam không thuần túy là không gian văn minh hiện đại tách rời truyền thống, mà trái lại, vẫn tồn tại một lớp các giá trị văn hóa dân gian thích nghi với môi trường đô thị. Đặc biệt, Phan Xuân Biên trong một bài viết thuộc công trình trên cũng khẳng định rằng văn hóa dân gian của TP.HCM là tổng hợp từ nhiều nguồn văn hóa của các tộc người và của các nhóm lưu dân Việt từ Bắc và Trung vào Nam, do vậy không có loại hình văn hóa hay văn học dân gian nào ở đây còn tồn tại nguyên dạng như ở nơi nó được sinh ra [7].

Trái với định kiến cho rằng các hình thức folklore chỉ tồn tại trong môi trường làng xã và dần phai mờ trong đô thị hiện đại, thực tiễn nghiên cứu tại TP.HCM cho thấy VHDG không những không bị triệt tiêu mà còn được tái hiện, thích ứng và hình thành những tiểu loại mới phù hợp với nhu cầu tiếp nhận của cư dân đô thị. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phương pháp tư liệu - lịch sử - văn bản với phương pháp phân tích loại hình nhằm nhận diện đặc trưng của văn học dân gian trong môi trường đô thị TP.HCM. Nghiên cứu không tiến hành điều tra dân tộc học theo nghĩa khảo sát cộng đồng cụ thể, mà tổng hợp các văn bản tiêu biểu từ ba nguồn chính: (1) các công trình sưu tầm và nghiên cứu đã xuất bản về Gia Định – Sài Gòn – TP.HCM; (2) những văn bản dân gian được ghi nhận trong tài liệu học thuật; và (3) các tự sự đương đại lưu hành trên môi trường số, được xem như biểu hiện của diễn ngôn dân gian đang vận động.

Mục đích của việc lựa chọn tư liệu không nhằm xác lập tính đại diện thống kê của từng dị bản, mà để nhận diện những khuynh hướng biểu đạt lặp lại. Do đó, tư liệu được tuyển chọn theo tiêu chí loại hình: tục ngữ, lời nói vắn, ca dao, truyền thuyết đô thị có gắn trực tiếp với không gian sống, quan hệ xã hội và trải nghiệm hiện đại của cư dân đô thị. Trong khuôn khổ này, các tự sự lan truyền trên internet không được xem như dữ kiện thực địa độc lập mà như môi trường lưu truyền của folklore đương đại. Vì vậy, bài viết tập trung vào phân tích ý nghĩa, chức năng và hình thức biểu đạt, nhằm phác họa những đặc điểm chung của văn học dân gian đô thị TP.HCM thay vì tái dựng hoàn cảnh diễn xướng cụ thể.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Văn học dân gian Gia Định - Sài Gòn - TP.HCM bắt nguồn từ dòng văn học truyền thống theo chân cư dân Việt trong tiến trình Nam tiến từ thế kỉ XVII. Trên vùng đất mới trù phú, sông nước và biển đảo đa dạng, các thể loại quen thuộc như truyền thuyết, truyện cổ tích, hò, vè, tục ngữ, câu đố, truyện cười... đã được chuyển thể và tạo lập những dị bản phù hợp với điều kiện tự nhiên và đời sống tinh thần của cư dân phương Nam. Từ nền tảng Gia Định buổi đầu, qua những biến chuyển lịch sử - xã hội. Đặc biệt sau 1954, văn học dân gian nơi đây tiếp tục hiện đại hóa, gắn bó với đời sống đô thị và phản ánh mạnh mẽ sự giao thoa văn hóa đa tộc người và liên vùng.

Mặc dù thừa hưởng tính chất sông nước, biển đảo và sự phóng khoáng đặc trưng của VHĐG Nam Bộ, VHĐG TP.HCM mang diện mạo riêng do hình thành trong một trung tâm đô thị - thương cảng năng động. Các sáng tác dân gian thể hiện rõ đặc điểm của văn hóa đô thị như tính thực tế, lí tính, ngắn gọn, giàu sự kiện, ít thiên về tính hàn lâm hoặc triết lí trừu tượng. Ngoài không gian sông nước, VHĐG còn phản ánh đậm nét đời sống chợ búa và sinh hoạt thường nhật của thị dân. Đặc biệt đáng chú ý là hệ thống ngôn ngữ trong VHĐG TP.HCM là tổng hòa của tiếng Việt Nam Bộ, lớp từ cô của quốc ngữ đầu thế kỉ XX, cùng sự pha trộn tiếng nói, giọng điệu của muôn dân tứ xứ lẫn đa quốc gia đến khai hoang mở cõi. Nói về lịch sử miền Nam, Sơn Nam khẳng định rằng “khi người Việt đến Đồng Nai – Gia Định thì người Khmer đã làm ăn rải rác lâu đời ở những vùng ven sông, đất giồng” và còn có một số người Hoa “đã bỏ quê hương xứ sở đến đây cùng người Việt làm ăn” [8]. Bài viết lựa chọn phân tích các thể loại tiêu biểu thuộc ba loại hình lời nói dân gian, trữ tình và tự sự nhằm làm rõ bản sắc đô thị trong kho tàng VHĐG TP.HCM hiện nay.

### 2.1. Loại hình lời ăn tiếng nói dân gian: tục ngữ đô thị, câu nói vắn và bản đồ đời sống Sài Gòn

Một trong những đặc điểm nổi bật của văn học dân gian nơi đây là mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa văn bản dân gian với không gian sống cụ thể. Thành ngữ, tục ngữ thường xuyên gắn với các địa danh quen thuộc như sông Sài Gòn, Giồng Ông Tố, Thị Nghè, chợ Lớn, cầu Ông Lãnh hay Bình Tây, Gia Định... Điều này không chỉ phản ánh tính chất “địa phương hóa” của văn học dân gian mà còn cho thấy vai trò của nó như một bản đồ ký ức văn hóa và địa lí sống động của cư dân đô thị miền Nam. Hàng loạt những câu thành ngữ, tục ngữ được dùng thường xuyên như những câu nói cửa miệng của người dân đô thị còn được truyền lại đến giờ như:

*“Ăn quận Năm, nằm quận Ba, la cà quận Nhứt, cướp giật quận Tư”*. [10]

Hay một bản khác: *“Ăn quận Năm, nằm quận Ba, múa ca quận Một, trấn lột quận Tư”*.

Câu tục ngữ trên là một hình thức ví von giàu tính biểu tượng của người Sài Gòn xưa, vừa hài hước vừa phản ánh thực tế xã hội của bốn quận trung tâm trước năm 1975. Quận 5 vốn nổi tiếng với văn hóa âm thực phong phú của cộng đồng người Hoa, Quận 3 là nơi tập trung nhiều biệt thự cổ, dân trí thức và viên chức cư ngụ, tạo thành không gian yên tĩnh, thuận lợi để sinh sống lâu dài. Quận 1 vừa là trung tâm hành chính vừa là trung tâm giải trí, nơi hội tụ các rạp hát, quán cà phê, thương xá, đường phố sầm uất, thường là điểm hẹn vui chơi “la cà” của cư dân đô thị. Trong khi đó, “cướp giật” hay “trấn lột” Quận 4 lại phản ánh thực trạng Quận 4 từng nổi tiếng là khu bên cảng lao động, đông dân nghèo, phức tạp về an ninh trật tự nên dễ gắn liền với nhiều tệ nạn. Nhìn chung, câu tục ngữ này không chỉ mang tính khái quát mà còn chứa đựng giá trị tư liệu dân gian, giúp nhận diện sinh hoạt đô thị và phân tầng xã hội của Sài Gòn trước 1975, nhất là trong bối cảnh hiện nay, với sự sáp nhập các đơn vị hành chính trong cả nước thì tên gọi của các quận trong địa bàn TP.HCM sẽ dần trở thành quá khứ.

Ngoài câu khái quát đặc điểm của các quận thì tại TP.HCM hiện nay vẫn còn lan truyền câu tục ngữ: *“Nhất Y, nhì Móng, tam Bông, tứ Đường, ngũ Nghè, lục Lợi”* [9]. Đây là thông tin tổng hợp về sáu cây cầu lâu đời gắn với quá trình hình thành và phát triển của Gia Định - Sài Gòn xưa. Cầu chữ Y nối Chợ Lớn với phía nam thành phố; cầu Móng do Pháp xây dựng là một trong những

cầu thép đầu tiên ở Nam Bộ; cầu Bông bắc qua rạch Thị Nghè, xuất hiện từ thời Nguyễn; cầu Nhị Thiên Đường mang tên một hãng dầu gió của người Hoa và chính ông chủ của hãng dầu này đã tài trợ xây cầu; cầu Thị Nghè gắn với bà Nguyễn Thị Khánh – con gái của ông Vân Trường Hầu, bà là người xuất tiền ra xây cây cầu này và chồng bà là một ông Nghè nên tên cây cầu mới được đặt theo tên như vậy [9]; và cầu Bình Lợi là cây cầu sắt đầu tiên qua sông Sài Gòn. Sáu cây cầu này không chỉ có giá trị hạ tầng mà còn là chứng tích văn hóa lịch sử tiêu biểu của quá trình đô thị hóa Sài Gòn từ thế kỉ XIX.

Cấu trúc “nhất, nhì, tam, tứ” trong sáng tác tục ngữ Việt Nam còn xuất hiện trở lại trong câu cửa miệng dưới đây của người Sài Gòn xưa: *“Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định”* [10]. Câu tục ngữ phản ánh thứ bậc của sự giàu có cũng như thế lực của bốn đại điền chủ, đại thương gia hàng đầu Nam Bộ ở Sài Gòn khi ấy. Theo đó, “nhất Sĩ” ám chỉ Huyện Sĩ Lê Phát Đạt, đại điền chủ giàu có bậc nhất với hàng chục ngàn mẫu ruộng và công đức xây dựng nhà thờ Huyện Sĩ; “nhì Phương” ám chỉ Tổng đốc Phương (Đỗ Hữu Phương), thế lực chính trị, thương mại gắn với cộng đồng người Hoa Chợ Lớn; “tam Xường” nói về Bá hộ Xường (Trần Trinh Trường), giàu có nhờ đồn điền lúa gạo và kinh doanh xuất khẩu; còn “tứ Định” chính là Bá hộ Định (Nguyễn Hữu Định), điền chủ lừng danh vùng Mỹ Tho. Dân gian xếp hạng này nhằm nhấn mạnh uy thế tài sản, ảnh hưởng xã hội của những gia tộc quyền lực bậc nhất Nam Kỳ lục tỉnh, đồng thời cũng cho thấy cách nhìn của người dân xưa khi khắc họa trật tự giàu sang trong xã hội thuộc địa.

Ngoài ra, hình thức liệt kê địa danh còn xuất hiện trong bài về kể tên các ngôi chợ lâu đời ở Nam Kỳ lục tỉnh, trong đó có nhắc đến tên nhiều ngôi chợ vẫn đang hiện hữu trên địa bàn TP.HCM ngày nay như Chợ Lớn, chợ Bình Đông hay chợ Bàn Cờ, chợ Cầu Ông Lãnh: *“Hàng hóa mênh mông, kêu bằng Chợ Lớn/ Thiên hạ phát ón, Là chợ Bình Đông/... Tướng sĩ xe pháo, là chợ Bàn Cờ/ Vợ bỏ bơ vơ, chợ Cầu Ông Lãnh”*. Chợ cầu Ông Lãnh còn xuất hiện trong một bài về khác với câu: *“Chợ không đàn bà là chợ Cầu Ông Lãnh”* [10]. Theo Vương Hồng Sển (1969) thì chợ Cầu Ông Lãnh là chợ đầu mối trái cây, thủy hải sản lớn nhất thành phố [10] và đây thực chất là câu về nói ngược này nhằm chỉ ngôi chợ mang tên đàn ông nhưng người họp chợ lại đa số là phụ nữ. Địa danh cầu Ông Lãnh gắn với tên của Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng là một võ quan thời Tự Đức có công trị an vùng này và từng cho dựng cây cầu gỗ bắc qua rạch Bên Nghé, về sau được thay cầu mới nhưng vẫn giữ tên cũ để tưởng niệm.

Về ẩm thực phải nhắc đến các câu tục ngữ lan truyền trong dân gian Sài Gòn từ xưa để thấy không phải một đô thị sầm uất như Sài Gòn, nơi tập trung của nhiều nền văn hóa, nhiều nền ẩm thực khác nhau thì thường không có đặc sản bản địa. Tuy nhiên nem Thủ Đức lại được gọi tên trong văn học dân gian về ẩm thực xứ Sài Gòn như: *“Ăn nem Thủ Đức, uống rượu Bến Lức Gò Đen”*. Hay: *“Đi đâu mà chẳng biết ta/ Ta ở Thủ Đức, vốn nhà làm nem”* [11]. Nem Thủ Đức nổi tiếng với vị chua thanh, dai giòn, là món ăn truyền thống của cư dân miền Đông Nam Bộ. Rượu Gò Đen (Long An) được chưng cất thủ công từ nếp, nồng nhưng êm, là sản phẩm đặc trưng của vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Câu nói không chỉ ca ngợi hương vị quê hương mà còn góp phần lưu giữ bản sắc văn hóa vùng đất Nam Bộ.

Nhìn chung, tục ngữ, với đặc điểm cô đọng, gợi hình ảnh và dễ nhớ, từ lâu đã đóng vai trò như những chỉ dẫn kinh nghiệm sống trong đời sống dân gian, ở một vùng đất mới được hình thành từ quá trình di dân và giao lưu văn hóa sâu rộng thì tục ngữ không chỉ phản ánh lối nghĩ, cách nói của người dân đô thị mà còn góp phần tái hiện lại bản đồ địa danh cùng các sự kiện lịch sử xã hội của thành phố. Những câu tục ngữ hay lời nói vẫn về được truyền miệng từ đời này sang đời khác không chỉ nói về ứng xử, đạo lí, mà còn cho thấy cách người Sài Gòn cảm nhận, định vị các không gian sống khác nhau trong môi trường đô thị.

## 2.2. Loại hình trữ tình dân gian: Ca dao đô thị với dấu ấn không gian địa lí và lịch sử đời sống xã hội

Khác với tục ngữ vốn nghiêng về triết lí sống và kinh nghiệm ứng xử, ca dao thường thiên

về cảm xúc, trữ tình và phản ánh sâu sắc đời sống của con người trong một không gian xác định. Trong bối cảnh đô thị hóa, đặc biệt là tại TP.HCM, ca dao không chỉ tồn tại ở các vùng ven của thành phố mà còn len lỏi vào đời sống thị dân, để rồi ghi lại những dấu ấn địa danh, sự kiện, biểu tượng và cả cảm thức xã hội của người dân thành phố qua từng thời kì. Những câu ca dao chứa đựng địa danh vừa mang thông tin lịch sử, vừa chuyên chở cái nhìn dân gian đối với tự nhiên, sự biến động xã hội và đời sống thường nhật nơi đô hội. Chẳng hạn nhắc đến địa danh Gia Định thì ai cũng biết câu ca dao: *“Nhà Bè nước chảy chia hai/ Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”* [9]. Câu ca dao gợi lên cảm giác nói về sự lựa chọn, phân đôi và quyết định cần có của con người trước những ngã rẽ có tính cột mốc. Tuy nhiên nếu ai đã sinh sống lâu đời ở vùng đất Sài Gòn này thì đều biết đây chỉ là một câu ca dao có tính miêu tả địa lí và hướng chảy của dòng sông, Nhà Bè là nơi sông Sài Gòn và sông Đồng Nai giao nhau trước khi đổ ra biển. Từ ngã ba sông Nhà Bè dòng nước đi theo hai hướng về Gia Định và Đồng Nai. Ở đây, Nhà Bè về tính chất địa lí thì được nhắc đến như một trung tâm giao thủy của vùng Đông Nam Bộ nhưng qua đó cũng đồng thời gợi lên tính đa dạng trong địa bàn tự nhiên của vùng đất này. Vương Hồng Sển (2002) cho rằng đây là *“câu hát tuyên truyền cuộc di dân vào Nam, xưa, một phú ông đã có công sáng lập nơi đây thành một nhà cứu tế và bán buôn, cất trên bè, trên sà, sau nhóm đông thành chợ, gọi chợ Nhà Bè”* [9].

Còn với câu ca dao có nội dung về tình yêu đôi lứa dưới đây lại mượn những địa danh quen thuộc trong trung tâm địa phận Sài Gòn để ví von với sự dòi dào trong yêu thương trai gái bằng motif *“bao nhiêu... bấy nhiêu”* quen thuộc trong kho tàng ca dao truyền thống: *“Cây da Bình Đông/ Cây da Bình Tây/ Cây da chợ Cũ/ Ba bốn cây da rữ, năm sáu cây da tàn/ Bao nhiêu lá rụng, anh thương nàng bấy nhiêu”* [11]. Bến Bình Đông nằm bên kênh Tàu Hủ, cửa ngõ giao thương quan trọng của Sài Gòn với các tỉnh Tây Nam Bộ, từng là nơi tập trung các hoạt động giao thương, đặc biệt là chợ hoa nổi tiếng vào dịp tết. Bình Tây là khu vực thuộc quận 6, nổi tiếng với chợ Bình Tây là một trong những ngôi chợ lớn và lâu đời nhất Sài Gòn, do người Hoa xây dựng vào đầu thế kỉ 20. Địa danh chợ Cũ là tên gọi quen thuộc của một khu chợ xưa ở trung tâm Sài Gòn, nay thuộc Quận 1. Trước khi chợ Bến Thành ra đời, chợ Cũ là nơi giao thương quan trọng thời Pháp thuộc, gắn liền với lịch sử đô thị hóa của Sài Gòn. Ba địa danh này đều nằm trong hoặc gần trung tâm Sài Gòn, đại diện cho các khu vực khác nhau: Bình Đông (sông nước), Bình Tây (thương mại người Hoa), chợ Cũ (truyền thống đô thị). Sự xuất hiện của chúng trong ca dao không chỉ xác định không gian cụ thể mà còn gợi lên một Sài Gòn đa dạng, phong phú về văn hóa và đời sống.

Cũng sẽ thật thiếu sót nếu không nhắc đến những câu ca dao về một địa danh quan trọng bậc nhất làm nên biểu tượng của một đô thị trung tâm kinh tế thương mại sầm uất như TP.HCM, đó là chợ Bến Thành. Câu ca dao dưới đây xuất hiện trong nhiều công trình sưu tập với nhiều dị bản: *“Dời dời theo anh về chợ Bến Thành/ coi nam thanh nữ tú/ ở chi xứ này vợ hủ chim kêu”* [11]. Câu ca dao này ra đời vào khoảng thế kỉ 20, sau khi chợ Bến Thành được xây dựng và trở thành biểu tượng của Sài Gòn. Đây là thời kì Sài Gòn phát triển mạnh mẽ dưới ảnh hưởng của Pháp, thu hút nhiều người từ khắp nơi đến sinh sống, làm việc, tạo nên một cộng đồng đa dạng và năng động. Hình ảnh *“nam thanh nữ tú”* gợi nhắc đến tầng lớp thanh niên thành thị thời bấy giờ, với phong cách sống mới mẻ, khác biệt so với các vùng lân cận.

Câu ca dao: *“Chợ Bến Thành dời dời/ Người sao khỏi hợp tan/ Xa gần giữ nghĩa tao khang/ Chớ tham quyền quý, phụ phàng duyên xưa”* [12] nhắc đến sự kiện dời chợ Bến Thành vào khoảng năm 1912, ban đầu chợ Bến Thành được đặt gần bờ rạch Bến Nghé, trong khu vực thành Gia Định, thuận tiện cho việc buôn bán của các ghe thuyền neo đậu dọc theo bên sông. Tuy nhiên, do tình trạng xuống cấp và nhu cầu đô thị hóa, chính quyền thực dân Pháp quyết định di dời chợ đến vị trí hiện nay ở quận 1, gần ga xe lửa Mỹ Tho lúc bấy giờ. Sau khi dời dời, người dân thường gọi là *“chợ Mới”* để phân biệt với chợ cũ gần bên sông. Câu ca dao trên nhắc đến việc dời vị trí chợ Bến Thành như một biến thiên thời cuộc, rồi từ đó khái quát quy luật đời sống *“người sao khỏi hợp tan”* để khẳng định rằng trong đời người thì chuyện sum vầy rồi ly tán là điều tự nhiên.

Địa danh Bến Thành một lần nữa xuất hiện trong câu ca dao dưới đây đã tái hiện nhịp sống đô thị Sài Gòn đầu thế kỉ XX trong bối cảnh hiện đại hóa: “*Mười giờ tàu lại Bến Thành/ Xúp lê vội thổi, bộ hành lao xao*” [12]. Âm thanh “xúp lê” (đọc trại từ tiếng Pháp *siffler* – thổi còi) báo hiệu tàu đến tạo nên cảnh tượng nhộn nhịp, gấp gáp nơi ga Bến Thành. Câu thơ cho thấy sự giao thoa văn hóa Pháp - Việt và phản ánh sinh hoạt đời sống công nghiệp mới mẻ trong môi trường thị dân. Âm thanh còi tàu này còn được nhắc đến trong câu ca dao: “*Sài Gòn mũi đỏ/ Gia Định xúp lê/ Giã hiền thê ở lại lấy chồng/ Thuyền anh ra Cửa như rồng lên mây*” [11]. “Mũi đỏ” ở câu ca dao trên là để chỉ thói quen sơn mũi ghe thuyền màu đỏ ở Sài Gòn thời đó, nhằm phân biệt với ghe thuyền Lục tỉnh [9]. Cấu trúc câu ca dao có tính so sánh giữa Sài Gòn và các đô thị khác ở Nam Bộ còn xuất hiện trong các câu ca dao như so sánh phương tiện đi lại giữa Sài Gòn với Đồng Tháp và ánh sáng giữa Sài Gòn với Tiền Giang: “*Sài Gòn là xứ ngựa xe/ Mỹ An là xứ xuống ghe dập dùi*”. Hay: “*Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ/ Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu*” [13]. Các câu ca dao trên nhằm nêu rõ sự khác biệt giữa Sài Gòn phồn hoa đô hội với ngựa xe tấp nập, ánh đèn rực rỡ và các vùng quê sông nước tinh lẻ thì thanh bình, yên ả.

Không gian đô thị sông nước của Sài Gòn ngày xưa một lần nữa cũng được tái hiện trong câu ca dao dưới đây: “*Chừng nào cầu nọ thôi quay/ Thì qua với bậu mới dứt dây cương thường*” [14]. Cầu quay là loại cầu sắt có thể xoay ngang để tàu thuyền qua lại, từng hiện diện ở nhiều đô thị miền Nam thời Pháp thuộc. Trong câu ca dao, hình ảnh cầu quay được sử dụng như một ẩn dụ mang tính thế nguyên: chừng nào cầu còn quay, nghĩa là khi thời gian chưa dừng lại, thì tình yêu vẫn còn bền chặt. Đây là một cách nói đầy hình tượng về lòng chung thủy gắn liền với không gian đô thị và nhịp sống giao thông sông nước đặc thù của Nam Bộ xưa.

Còn các địa danh trong bài ca dao dưới đây từng là những biểu tượng lịch sử quan trọng của Sài Gòn thời thuộc địa: “*Trên Thượng thơ bán giấy/ Dưới Thủ Ngữ treo cờ/ Kia Ba Hình còn đứng chờ vợ/ Nào khi núp bụi, núp bờ/ Mũ di đánh dạo bây giờ bỏ em*” [12]. Dinh Thượng thơ là cơ quan hành chính của chính quyền Pháp; Thủ Ngữ là cột cờ tín hiệu tại cảng Sài Gòn, biểu tượng cho sự kiểm soát hàng hải của thực dân, thường treo cờ trong các dịp lễ chính thức; Ba Hình tức là cách mà dân gian chỉ nơi đặt tượng của Léon Gambetta (1838 - 1882), ông là một chính khách người Pháp có chủ trương ủng hộ chính sách thuộc địa ở miền Nam. Cả ba địa danh trên đều cho thấy sự hiện diện rõ nét của bộ máy cai trị của người Pháp trong đời sống thị dân, đồng thời phản ánh thái độ dân gian vừa quan sát vừa trào lộng trước các biểu tượng quyền lực ấy. Còn “mũ di” (đọc trại từ tiếng Pháp “*musique*” nghĩa là âm nhạc) để chỉ sự phổ biến của những “nhạc sỹ đường phố” sống nhờ tiền thưởng của khách qua đường dừng lại nghe nhạc. Trong *Sài Gòn năm xưa*, Vương Hồng Sển (1969) có nhắc đến một dị bản của bài ca dao trên là: “*Thượng thơ, Phó soái, Thủ Ngữ treo cờ/ Bu don (bouillon), ỏm lét (omelette), bí tét (beefsteak) xạc xây (sacre’)/ Mũ ni (menu) bán dạo, bây giờ mày bỏ tau*”. Ông cho rằng đây là lời than trách của người vợ bán dạo trên đường phố Sài Gòn, vợ chồng gá nghĩa với nhau làm ăn buôn bán, đến khi có chút tiền của thì người chồng sanh tật trai gái và bỏ vợ bơ vơ [10]. Một nghiên cứu tập trung về đặc điểm ca dao dân ca Nam Bộ cuối TK 19 – đầu TK 20 đã chỉ ra rằng “từ Việt cổ và từ gốc Pháp là đặc điểm ngôn ngữ quan trọng trong ca dao xuất bản tại TP.HCM thời kì này khiến cho nó khác biệt so với ca dao vùng miền khác trong cả nước và khác biệt so với chính bản thân nó trong các sưu tập ca dao Nam Bộ được xuất bản gần đây” [12].

Bên cạnh đó, bài ca dao dưới đây cũng phản ánh sinh động đời sống đô thị Sài Gòn trong thời kì thuộc địa: “*Sài Gòn Chợ Lớn hai ga/ Nhà ga xe lửa, nhà ga bến tàu/ Tàu Tây chạy tuốt Hà Tiên/ Tàu ta thì chạy qua vòm Mỹ Tho*” [13]. Qua hình ảnh hai nhà ga cho xe lửa và cho tàu thủy, câu ca dao đã tái hiện không gian giao thông hiện đại gắn với tiến trình đô thị hóa.

Một trong những biểu hiện tiêu biểu của văn học dân gian đô thị TP.HCM là các hình thức ca hát truyền khẩu phản ánh tinh thần yêu nước, đặc biệt là trong thời kì kháng chiến chống Pháp và sau đó là chống Mỹ. Huỳnh Ngọc Trảng nhận định: “Trong số các câu hò hát sru tầm được ở các huyện ngoại thành TP.HCM trong những năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, có

một số lượng đáng kể những câu hò, câu hát có nội dung yêu nước” [11]. Những câu ca này có nội dung mang tính chính luận - chiến đấu, thể hiện tâm thức phản kháng và khát vọng tự chủ của thị dân miền Nam trong giai đoạn khói lửa. Có thể dẫn ra một số câu hát dân gian nổi bật, mang tính biểu tượng và được truyền tụng rộng rãi tại khu vực Gia Định - Sài Gòn trong những năm tháng chiến tranh, như: “Bao giờ Chợ Quán hết vô/ Thủ Thiêm hết giặc, em thôi đưa đò” hay “Giặc Tây đã đến Cần Giờ/ Biểu đừng thương nhớ đợi chờ uống công” và câu: “Giặc Sài Gòn đánh xuống/ Giặc ngoài Huế đánh vô/ Biểu em đừng đợi đừng chờ/ Để anh đi lấy đầu thằng mọi trắng về tế cờ nghĩa quân” [11]. Các câu ca dao mô tả thế tấn công dồn dập của giặc Pháp từ trung tâm Sài Gòn thẳng xuống các vùng ven như Cần Giờ, hay thế “giáp công” của quân đội Pháp từ hai đầu Sài Gòn và Huế khiến người dân lâm vào thế bị kẹp chặt, khơi dậy cảm giác khẩn thiết và bao trùm nỗi bất an. Hình ảnh “giặc Sài Gòn” ở đây là cách mà dân ta gọi lính Pháp đóng ở miền Nam. Lời nhắn nhủ “biểu em đừng đợi đừng chờ” vừa là lời từ biệt tình nhân, vừa là một lời dứt khoát với thế sự riêng tư, thể hiện sự dấn thân của người nghĩa sĩ ra mặt trận. Hình ảnh “lấy đầu thằng mọi trắng về tế cờ nghĩa quân” vừa mang tính biểu tượng, vừa phản ánh lối diễn đạt đặc trưng Nam Bộ: trực tiếp, mạnh mẽ, không màu mè và có phần phóng đại.

Nhìn tổng thể, hệ thống câu ca, hò, vè nhắc đến các địa danh trong đô thị TP.HCM giai đoạn có thể được xem như kho tư liệu quý cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian và lịch sử xã hội. Chúng không chỉ là lời ca, mà còn là ký ức sống động về một thời kì lịch sử đầy biến động.

### 2.3. Loại hình tự sự: truyền thuyết đô thị và khả năng chuyển hóa không gian vật chất thành không gian ký ức

Trong vòng nửa thế kỉ qua, truyền thuyết đô thị đã dần trở thành một đối tượng của nghiên cứu văn hóa dân gian hiện đại. Từ giữa thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu folklore thế giới đã khởi sự gọi tên thể loại truyện kể mới mẻ ấy là *contemporary legend*; *city legends* hay *urban legends*. Đến khi Jan Harold Brunvand hệ thống hóa khái niệm này trong công trình *American Folklore: An Encyclopedia* (1996), truyền thuyết đô thị đã bắt đầu được giới nghiên cứu sưu tầm, tìm hiểu và định nghĩa dưới nhiều góc độ. Theo cách nhìn của Brunvand, đây là những câu chuyện hiện đại được kể như thật, thường xoay quanh các tình huống kì dị, ranh giới giữa thật và giả bị làm mờ, nơi các motif cổ điển của truyền thuyết dân gian được hồi sinh trong hình hài mới đầy tính cấp bách và đầy ám ảnh, được diễn đạt lại bằng thứ ngôn ngữ khẩn trương của thời hiện đại [15]. Nguyễn Thị Kim Ngân trong một bài viết có tính tổng hợp về truyền thuyết đương đại (*contemporary legend*) đã cho rằng có một thuật ngữ phổ biến khác để chỉ tiêu loại này là truyền thuyết đô thị (*urban legend*), và “đó là những câu chuyện xuất phát từ thực tế, liên quan đến các sự kiện gần đây, trong đó có chứa đựng những sự kiện thay đổi đột ngột có tính siêu hình” [16]. Ở Việt Nam, đặc biệt là tại TP.HCM, vùng đất có lịch sử di dân và đô thị hóa nhanh nhất cả nước thì truyền thuyết đô thị xuất hiện như thể loại tự sự mới của văn học dân gian đương đại. Sự gia tăng dân số, nhịp sống dồn dập, cộng với những vết tích còn rất mới của chiến tranh và quá trình hiện đại hóa dờ dang, đã tạo nên một môi trường đặc biệt, nơi những lo âu và ký ức tập thể được kể lại dưới dạng những câu chuyện liên tục được truyền miệng trong đời sống thị dân. Truyền thuyết đô thị, với khả năng phản chiếu tâm lí tập thể và những khủng hoảng của đời sống hiện đại, trở thành nơi ghi lại những sợ hãi, hoang mang, và niềm tin của con người trong thời đại công nghiệp hóa và số hóa.

Trong nội dung các truyền thuyết đô thị sưu tầm được tại TP.HCM qua các nền tảng mạng xã hội thường có sự hiện diện của các không gian tiêu biểu kết nối chặt chẽ với các công trình kiến trúc được xây dựng trong lòng thành phố, liên quan đến đời sống mưu sinh của thị dân, nơi học tập của thanh thiếu niên, các công trình vui chơi giải trí hay các công trình lịch sử. Nếu trong văn học dân gian truyền thống, truyền thuyết gắn liền với hành trình thần hóa người anh hùng dựng nước và giữ nước, thì trong đời sống đô thị, nhân vật trung tâm lại là những hình bóng bị

bỏ quên như các oan hồn, ma nữ, quả báo, lời nguyền. Cái thiêng không còn trú ngụ nơi đền miếu, mà ẩn trong cầu thang chung cư cũ, thang máy của những tòa nhà cao tầng, hành lang bệnh viện dẫn đến nhà xác, hầm xe, nhà vệ sinh cuối dãy... Cốt truyện truyền thuyết đô thị thường ly kỳ, bí ẩn nhằm kích thích trí tò mò của người nghe, tuy nhiên mục đích chính vẫn là bày tỏ nỗi bận tâm, lo âu, thậm chí là nỗi sợ của dân gian về những mối đe dọa cụ thể nào đó trong đời sống sinh hoạt thường nhật. Bằng cách kể lại nội dung của các câu chuyện có tính “hù dọa” như vậy, người dân đô thị một mặt có thể trút bỏ căng thẳng về những nỗi sợ mơ hồ nay đã được gọi tên. Đồng thời đó cũng như một thứ liệu pháp truyền miệng hướng dẫn cộng đồng tránh xa những nguy cơ có thể dẫn đến nguy hiểm khi đối diện với các mối đe dọa vô hình đó. Chẳng hạn như tránh đi đêm ở những nơi thiếu ánh sáng, tránh lối thoát hiểm vắng người, cẩn trọng với tin lạ trên mạng...

Một trong những kiến trúc đô thị được huyền ảo hóa sâu đậm trong trí nhớ cư dân Sài Gòn là chung cư 727 Trần Hưng Đạo, Quận 1. Câu chuyện về tòa nhà này lưu truyền qua nhiều thế hệ, mang các motif quen thuộc như tầng 13 bỏ hoang, bóng ma thiếu nữ áo đỏ [17, 18]. Chính cấu trúc khép kín, lối đi ngoằn ngoèo và ánh sáng yếu đã góp phần hình thành cảm giác u tối, ngột ngạt, khiến nơi này trở thành một biểu tượng rùng rợn trong ký ức của người dân đã từng sinh sống tại đây. Tương tự, trung tâm thương mại Thuận Kiều Plaza ở Quận 5 cũng được bao phủ bởi lớp huyền thoại dày đặc. Ba tòa tháp cao được cho là có hình dáng ba nén nhang do một thầy phong thủy thiết kế để nhằm yểm bùa, thu hút oan hồn và giam giữ năng lượng âm [17, 19]. Nội dung cụ thể có thể thay đổi theo người kể, nhưng điểm chung là cảm giác bất an trước không gian sống đông đúc, xuống cấp và mang nhiều lớp lịch sử. Trong trường hợp này, yếu tố “ma” không quan trọng bằng chức năng biểu đạt tâm lý: nó giúp cư dân diễn đạt nỗi lo về sự thay đổi môi trường sống và ký ức đô thị chưa được giải tỏa.

Bên cạnh những kiến trúc đô thị bị thiêng hóa, các địa điểm gắn với chấn thương lịch sử cũng là mảnh đất màu mỡ cho truyền thuyết đô thị phát triển. Như công viên Lê Thị Riêng, vốn là nghĩa trang Đô Thành trước đây thì vẫn luôn được xem là vùng giao thoa giữa sự sống và cái chết [17, 20]. Những câu chuyện về hiện tượng kì lạ ban đêm hay sự hiện diện của linh hồn lính tráng phản ánh mối quan hệ chưa khép lại giữa quá khứ và hiện tại, ở đây truyền thuyết không chỉ duy trì nỗi sợ mà còn bảo tồn ký ức đau thương, giúp cộng đồng nhớ đến một thời kì bạo lực của lịch sử trong lòng đô thị.

Trong môi trường học đường, truyền thuyết đô thị lại mang sắc thái tinh tế hơn vì đã pha trộn giữa ám ảnh tâm lý và nhu cầu sẻ chia. Ở trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, câu chuyện về nữ sinh Gia Long áo dài tím ngày xưa tự tử trên tháp đồng hồ vẫn được kể như một lời nhắc nhở về áp lực học đường [17, 21]. Tại ký túc xá Đại học Bách Khoa, sinh viên truyền miệng chuyện phòng 507 hoặc dãy A5 có ma, nơi cửa tự mở, bóng người thoáng qua trong đêm. Dù không ai xác nhận, những câu chuyện ấy vẫn lưu hành trong tập thể, giúp sinh viên lí giải nỗi sợ, áp lực học hành và tìm sự an ủi trong quá khứ.

Từ góc nhìn văn hóa dân gian, truyền thuyết đô thị ở TP.HCM mang nhiều tầng chức năng. Trước hết, chúng là tấm gương phản chiếu áp lực xã hội từ học tập, thi cử, kinh tế đến di dời đô thị. Cùng lúc, truyền thuyết còn duy trì ký ức lịch sử, ghi lại các chấn thương chiến tranh và biến động đô thị. Ở tầng sâu hơn, truyền thuyết củng cố niềm tin tâm linh về sự tồn tại của các linh hồn như một phản ứng tự nhiên của cộng đồng trước những khủng hoảng tinh thần. Đồng thời, truyền thuyết đô thị còn là sự cảnh báo về các mối nguy hiểm có thật và đóng vai trò như cơ chế trị liệu dân gian, giúp con người đối diện với những nỗi sợ mơ hồ với cái chết bất thường và những tai nạn không thể lí giải, bằng ngôn ngữ chung của cộng đồng và sự tưởng tượng tập thể.

Nhìn chung, truyền thuyết đô thị ở TP.HCM là tiếng nói văn hóa của tầng lớp thị dân đa dạng nguồn gốc sống trong những biến động dồn dập, nơi mà nỗi bất an và khát vọng của con người cùng đan xen vào nhau. Những câu chuyện ấy thiêng hóa không gian bằng ký ức và trải nghiệm tập thể, biến nỗi sợ mơ hồ của con người hiện đại thành hình thù cụ thể của các câu chuyện về quá khứ, đồng thời giúp con người nhận diện được những áp lực mà mình phải đương đầu và tìm

cách thích nghi với thực tại. Ở TP.HCM vùng đất giao thoa của di dân, chiến tranh và tiếp biến văn hóa, truyền thuyết đô thị minh chứng cho sức sống bền bỉ của văn hóa dân gian Việt Nam trong thế kỉ XXI, đó là khả năng chuyển hóa không gian vật chất thành không gian ký ức, và biến văn hóa hiện hữu nơi đô thị hiện đại sôi động thành một nền văn hóa huyền bí tâm linh qua những câu chuyện được kể lại.

### **3. Kết luận**

Nhìn từ thành tựu suu tầm, nghiên cứu và xuất bản phong phú từ giai đoạn 1954 đến nay, mà các học giả đi trước đã dày công thực hiện, cho thấy văn học dân gian TP.HCM luôn được gìn giữ, bảo tồn và làm giàu liên tục. Sự linh hoạt biến chuyển của văn học dân gian TP.HCM nằm trong khả năng cởi mở thích ứng của văn hóa Nam Bộ nói chung, nói như Sơn Nam (2005) thì “văn hóa đứng im một chỗ là văn hóa chết. Sống động, thích ứng với hoàn cảnh, đó mới là văn hóa, đúng theo nghĩa của nó” [8]. Các thể loại như tục ngữ và ca dao, truyền thuyết đô thị đã ghi lại những địa danh quen thuộc của Sài Gòn cũng như phản ánh rất chân thực những đổi thay trong cấu trúc lao động, giao thương, phân tầng xã hội và nếp sống văn hoá. Đồng thời, sự tiếp nhận chữ quốc ngữ, từ ngữ vay mượn phương Tây, cũng như lối sinh hoạt mới dưới ảnh hưởng Pháp đã được văn học dân gian thành thị lưu giữ một cách linh hoạt, hài hước mà sâu sắc.

Bài viết không nhằm cung cấp một bản điều tra dân tộc học đầy đủ về các cộng đồng cụ thể, cũng không hướng đến việc liệt kê toàn bộ dị bản văn học dân gian đô thị tại TP.HCM. Trọng tâm của nghiên cứu là đề xuất một cách tiếp cận loại hình – diễn giải để hiểu sự vận động của folklore trong môi trường đô thị hiện đại. Thông qua việc đặt tục ngữ, ca dao và truyền thuyết đương đại trong cùng một bình diện phân tích, bài viết cho thấy sự liên tục văn hóa không diễn ra bằng cách bảo lưu nguyên trạng truyền thống, mà thông qua quá trình dịch chuyển sang các không gian xã hội và môi trường truyền thông mới. Văn học dân gian đô thị vì vậy không chỉ là tàn dư của văn hóa nông thôn, cũng không phải sự mất đi của truyền thống, mà là một phương thức tổ chức ký ức tập thể trong điều kiện sống hiện đại.

Những biểu đạt nội dung và sự xuất hiện thể loại mới trong văn học dân gian TP.HCM cho thấy folklore vận hành như một lớp diễn giải trải nghiệm đô thị, nơi lịch sử, đời sống thường nhật và trí tưởng tượng cộng đồng gặp nhau trong cùng một hệ thống biểu đạt văn hóa. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, văn học dân gian TP.HCM chính là tấm gương phản chiếu một cách sinh động văn hoá lịch sử xã hội cũng như tâm hồn, trí tuệ của người dân thành phố, đồng thời là minh chứng rõ nét cho khả năng kế thừa, làm mới và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc trong một đô thị luôn đổi thay và hội nhập.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Wirth L, (1938). Urbanism as a way of life. *American Journal of Sociology*, 44(1), 1-24.
- [2] Gans HJ, (1968). Urbanism and suburbanism as ways of life: A re-evaluation of definitions. In: Rose AM (Ed.), *Human behavior and social processes*, p. 95-112. Houghton-Mifflin.
- [3] Zijderveld AC, (1998). *A theory of urbanity: The economic and civic culture of cities*. Transaction Publishers.
- [4] TN Khánh, (2012). *Văn hóa đô thị (Giản yếu)*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [5] TM Dục & LV Định, (2013). *Lối sống đô thị Việt Nam trong quá trình đô thị hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] TN Hiền & TV Chử, (2016). *Đô thị hóa và chính sách phát triển đô thị trong công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

- [7] Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam & Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (2002). *Văn hóa dân gian và sự phát triển văn hóa đô thị*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] S Nam, (2005). *Nói về miền Nam - Cá tính miền Nam - Thuần phong mỹ tục Việt Nam*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [9] VH Sên, (2002). *Tuyển tập Vương Hồng Sển*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [10] VH Sên, (1969). *Sài Gòn năm xưa*. Nhà sách Khai trí, Hà Nội.
- [11] HN Trảng, (1998). Văn học dân gian Gia Định - Sài Gòn. Trong: Hội đồng Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh, *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 7-71. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [12] LMT Gia, (2022). *Ca dao dân ca Nam Bộ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [13] LMT Gia, (cb, 2019). *Văn học dân gian Tiền Giang*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [14] NC Chánh, (1910). *Hát và hò góp*. NXB Phạm Văn Cường, Sài Gòn.
- [15] Brunvand JH, (1996). *American folklore: An encyclopedia*. Garland Publishing.
- [16] NTK Ngân, (2024). Nghiên cứu truyền thuyết đương đại: khuynh hướng, trữ lượng và viễn cảnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(3), 3-13. DOI: 10.18173/2354-1067.2024-0043.
- [17] NTN Hân, (2025). *Đặc điểm truyền thuyết đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân tài năng, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [18] Chuyện lạ Việt Nam, (10 Tháng 10 2025). *Sự thật rùng rợn về chung cư 727 Trần Hưng Đạo – Ngôi nhà của những oan hồn chưa siêu thoát*. <https://chuyenlavietnam.com/su-that-rung-ron-ve-chung-cu-727-tran-hung-dao-ngoi-nha-cua-nhung-oan-hon-chua-sieu-toat>.
- [19] Sông Trăng (10 Tháng 10 2025). *Vén màn bí ẩn Thuận Kiều Plaza, hơn 20 năm bị đồn thổi sự hiện diện 'tâm linh'*. <https://vgt.vn/ven-man-bi-an-thuan-kieu-plaza-hon-20-nam-bi-don-thoi-su-hien-dien-tam-linh-ihyes-20250815t7511708/>.
- [20] ĐK Đuối, (10 Tháng 10 2025). *Công viên Lê Thị Riêng. Nhóm Chung Cư Cũ*. <https://www.facebook.com/share/p/16egL65k4k/>.
- [21] ĐK Đuối, (10 Tháng 10 2025). *Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai. Nhóm Chung Cư Cũ*. <https://www.facebook.com/share/p/1A2RoqWtcv/>.